TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 269/2019/DS- ST
Ngày: 11-9-2019.
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Chót.
- Ông Dương Văn Hai.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2019/TLST–DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1938/2019/QĐXXST–DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Trần Phan Vĩnh P**, sinh năm 1987; địa chỉ: 216/1 ấp AB, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Bị đơn: anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1988; địa chỉ: 71/2 ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Trần Thị Bích N**, sinh năm 1989; địa chỉ: 216/1 ấp AB, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Chị **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1984; địa chỉ: 71/2 ấp AKh, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Trần Phan Vĩnh P trình bày:

Vào ngày 25/4/2018 anh có bán thức ăn và các mặt hàng thuốc thủy sản cho anh Trần Văn T1. Mục đích để anh T1 nuôi tôm thẻ chân trắng phát triển kinh tế

chung trong gia đình. Việc mua bán có lập hợp đồng bằng văn bản và anh T1 có ký tên trong hợp đồng. Hai bên thống nhất anh giao thức ăn cho anh T1 trước và sau khi anh T1 thu hoạch tôm xong sẽ trả đủ tiền thức ăn cho anh. Mỗi lần giao hàng hai bên có viết vào sổ theo dõi nợ thức ăn và anh đã cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Đến khi thu hoạch tôm xong anh T1 không thanh toán đầy đủ tiền thức ăn cho anh như đúng thỏa thuận; tính đến ngày 05/6/2019 hai bên tổng kết nợ thì anh T1 còn nợ lại anh số tiền 237.579.000 đồng. Việc anh T1 mua thức ăn, thuốc thủy sản của anh thì chị T2 hoàn toàn biết do việc nuôi tôm là để phát triển kinh tế chung trong gia đình và mỗi lần anh giao thức ăn chị T2 (tên gọi khác là D)có ký tên vào sổ theo dõi nợ; đến ngày 05/06/2019 chị T2 cũng là người ký tên chốt nợ với anh trong sổ theo dõi nợ.

Do số tiền trên là tài sản chung của anh và chị Trần Thị Bích N nên anh yêu cầu anh T1 và chị T2 phải liên đới trả cho anh và chị N số tiền nợ là 237.579.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền chiết khấu sau khi anh T1 và chị T2 trả đủ tiền thức ăn cho anh thì anh sẽ khấu trừ cho anh T1, chị T2. Việc anh T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại hai hồ tôm thì anh đồng ý do việc tôm chết hay bệnh không phải lỗi do anh. Anh không đồng ý với yêu cầu và cách thức trả nợ dần của anh T1 và chị T2.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Trần Văn T1 trình bày:

Anh thừa nhận anh và chị T2 có mua thức ăn và nợ tiền của anh P, chị N như anh P trình bày. Anh thừa nhận anh có ký tên vào hợp đồng ngày 25/4/2018 do anh P cung cấp nhưng khi ký anh không đọc kỹ nội dung về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên. Do việc anh nuôi tôm thua lỗ nên anh không có khả năng trả tiền thức ăn theo yêu cầu của anh P, chị N. Khi anh và chị T2 bắt đầu nuôi tôm vụ sau này khoảng từ đầu tháng 04/2019 đến nay thì anh P, chị N có tiếp tục bán thức ăn, thuốc thủy sản cho anh và chị T2 khoảng hơn 01 tháng thì anh P, chị N tự ý ngưng cung cấp thức ăn nữa nên hai hồ tôm của anh không phát triển khiến anh tiếp tục thua lỗ. Tuy nhiên anh không yêu cầu anh P, chị N phải bồi thường thiệt hại cho anh và chị T2 về việc thua lỗ như nêu trên do anh không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Việc anh P, chị N cho rằng hai bên khi mua bán thức ăn anh có cam kết vào cuối vụ sau khi thu hoạch tôm xong sẽ trả đủ tiền là không đúng vì khi nuôi tôm không chắc là cuối vụ sẽ có lãi.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh P anh có ý kiến như sau: anh đồng ý liên đới với chị Nguyễn Thị T2 để trả dần cho anh P và chị N số tiền 237.579.000 đồng nhưng khi nào thu hoạch tôm có lãi anh và chị T2 sẽ trả vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của anh và chị T2 quá khó khăn nên không thể cam kết số tiền sẽ trả dần là bao nhiêu. Nếu anh P, chị N đồng ý anh sẽ cho anh P, chị N thuê hai hồ tôm để khấu trừ dần số nợ nêu trên. Việc anh P, chị N trình bày khi nào anh và chị T2 trả đủ tiền nợ sẽ trừ tiền chiết khấu cho anh, chị thì anh cũng đồng ý.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích N trình bày: chị có cùng ý kiến với anh P và không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 trình bày: chị có cùng ý kiến với anh Trần Văn T1 và không trình bày gì thêm. Ngày 10/9/2019 chị T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cú có trong hồ sơ vụ án và lờitrình bày của các đương sự có cơ sở xác định hiện nay anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 còn nợ anh Trần Phan Vĩnh P và chị Trần Thị Bích N số tiền là 237.579.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Văn T1 đăng ký thường trú 71/2 ấp AK, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T2 theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: anh Trần Phan Vĩnh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T1 và chị T2 phải liên đới trả cho anh P và chị N số tiền 237.579.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi. Anh T1 và chị T2 đồng ý liên đới trả cho anh P và chị N số tiền 237.579.000 đồng nhưng xin được trả dần cho đến khi hết nợ nhưng anh, chị không thể cam kết số tiền sẽ trả dần mỗi lần là bao nhiêu do hiện nay hoàn cảnh anh, chị quá khó khăn.

[5] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa anh P, chị N với anh T1, chị T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 và chị T2 thừa nhận có nợ anh P và chị N số tiền 237.579.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho anh P, chị N số tiền nêu trên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Lẽ đó việc anh P, chị N yêu cầu anh

T1 và chị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P, chị N số tiền 237.579.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh T1 và chị T2, xét thấy anh T1 và chị T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh P, chị N trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh P, chị N. Mặc khác tại phiên tòa anh P, chị N cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của anh T1, chị T2. Do đó yêu cầu của anh T1, chị T2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 không yêu cầu anh P và chị N phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[8] Anh Trần Phan Vĩnh P, chị Trần Thị Bích N không yêu cầu tính tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 237.579.000 đồng x 5% = 11.878.950 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 433, 434, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phan Vĩnh P. Buộc anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Trần Phan Vĩnh P và chị Trần Thị Bích N số tiền 237.579.000 (Hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 phải liên đới nộp là 11.878.950 (Mười một triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Anh Trần Phan Vĩnh P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 5.939.475 (Năm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0003890 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Phê

.